

Bản án số: 40/2020/HS-ST

Ngày: 29/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai.

Thẩm phán: Ông Hà Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền

Bà La Thị Huệ;

Bà Doãn Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28, 29 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-HS, ngày 31 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1982 tại tỉnh Bắc Kạn;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12;

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Có chồng là Nguyễn Tiến S (đã chết); Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/02/2019 bị xử phạt vi phạm hành chính với số tiền

5.000.000 đồng về hành vi sử dụng giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

*** Các bị hại:**

1/ Ông Hoàng Tiến M, sinh năm 1975; Trú tại: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Bà Đặng Thị Thanh H1, sinh năm 1977; Trú tại: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H:* Bà Trần Thị Kim L, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Minh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Phạm Trung H, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 9, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không lý do.

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958; Trú tại: Thôn Xí Nghiệp, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt ngày xét xử, vắng mặt ngày tuyên án.

3/ Ông Nguyễn Duy V, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Ông Nguyễn Lê T1, sinh năm 1959; Trú tại: Số nhà 248, tổ 4, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

5/ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Việt Th – Giám đốc phòng Giao dịch Đ. Có mặt tại phiên tòa.

6/ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 2001; Trú tại Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

**** Những người làm chứng:***

1/ Ông Trần Đức N, sinh năm 1993; Thôn Bản Tét 2, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt

2/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968; Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền chi tiêu cá nhân, đầu năm 2018, Nguyễn Thị H (sinh năm 1982, trú tại: Tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) đã sử dụng điện thoại di động truy cập vào các trang mạng xã hội trên Internet tìm và đặt mua 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN979878 của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ 5, phường P, thành phố B và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN006396 của thửa đất số 70, 104, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B đều mang tên Nguyễn Thị H với số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) và 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619 của xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Camry, mang BKS: 97A - 006.83 đều mang tên Nguyễn Thị H với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), nhằm mục đích để lừa bán cho các cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn có nhu cầu mua nhà, đất, xe ô tô để chiếm đoạt số tiền 1.850.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/8/2018, Nguyễn Thị H đến cửa hàng “Cầm đồ Mạnh Lan” của ông Hoàng Tiến M, sinh năm 1975, trú tại tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn mục đích cầm cố xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại CAMRY, BKS: 97A - 006.83 để lấy tiền, nhưng khi được ông M giải thích *“Cầm cố thì phải để lại xe tại cửa hàng”*, H không đồng ý. Ông M nói *“Nếu H bán xe ô tô, sẽ cho H thuê lại với số tiền 1.100.000^d/ngày và chỉ cần để lại giấy chứng nhận đăng ký xe làm tài sản đảm bảo, khi nào có tiền thì mua lại xe”*, H đồng ý, bán xe với số tiền 550.000.000đ (Năm trăm, năm mươi triệu đồng) và thuê lại xe với giá 1.100.000^d/ngày, khi thực hiện hợp đồng mua, bán H có đưa cho M 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619 của xe ô tô BKS 97A-006.83 đã được H chuẩn bị từ trước để làm tài sản đảm bảo.

Ngày 26/12/2018, Nguyễn Văn T, sinh năm 1958, HKTT: thôn Xí Nghiệp, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn mượn xe ô tô BKS 97A-006.83 của Nguyễn Thị H và H tiếp tục đưa cho ông T 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619 mang BKS 97A-006.83 do H đã được chuẩn bị từ trước. Khi ông T tham gia giao thông bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính, tạm giữ phương tiện với lý do không có giấy phép lái xe và sử dụng đăng ký xe ô tô không do cơ quan có thẩm quyền

cấp. Ngày 27/02/2019 Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000294/QĐ-XPVPHC đối với Nguyễn Thị H với số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng) và tịch thu 01 giấy đăng ký xe số 000619 giả vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính sử dụng giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp. Đến ngày 11/3/2019 Nguyễn Thị H đã nộp phạt số tiền trên tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, sau khi nộp phạt Phòng Cảnh sát giao thông trả lại phương tiện cho Nguyễn Thị H. Sau đó ông Nguyễn Văn T đã điều khiển xe ô tô của H về xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và gửi tại nhà ông Trần Đức N, HKTT: thôn Bản Tét 2, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 17/6/2019 ông Hoàng Tiến M đã có đơn tố cáo Nguyễn Thị H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 20/6/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của ông Trần Đức N và ra Quyết định tạm giữ đối với chiếc xe ô tô trên.

Đối với giấy đăng ký xe ô tô thật đã được H sử dụng trước đó như sau: Năm 2013, Nguyễn Thị H mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Camry, mang BKS: 97A - 006.83 . Năm 2014, Nguyễn Thị H sử dụng chiếc xe ô tô này thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn (Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/3881307/HĐBĐ ngày 26/5/2014) và nhận số tiền là 450.000.000đ (Bốn trăm, năm mươi triệu đồng), khi thế chấp Ngân hàng giữ 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619, tên chủ xe Nguyễn Thị H, loại xe Camry, BKS: 97A-006.83 để làm tài sản đảm bảo.

Ngày 16/8/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra Quyết định trưng cầu giám định thật giả đối với 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tạm giữ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển tỉnh Bắc Kạn; Phòng CSGT Công an tỉnh và của Hoàng Tiến M cung cấp. Tại bản kết luận giám định số 33/KTHS-GĐTL ngày 31/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: *Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619 trong phong bì mang ký hiệu A3 (do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển tỉnh Bắc Kạn cung cấp) là thật. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619 trong phong bì ký hiệu A2 (của Phòng CSGT Công an tỉnh Bắc Kạn cung cấp) và Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619 trong phong bì không có ký hiệu (của Hoàng Tiến M cung cấp) là giả.*

Ngày 01/01/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn ra quyết định trưng cầu giám định chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619, xe BKS: 97A-006.83 do Nguyễn Thị H giao nộp khi Cơ quan CSĐT thực hiện lệnh bắt bị can để tạm giam và giám định thời điểm viết của các dòng chữ trong hợp đồng mua, bán xe ngày 18/8/2018 với các chữ tại Điều 2 “550.000.000đ (năm trăm năm

mười triệu đồng)” của hợp đồng do Hoàng Tiến M cung cấp có cùng thời điểm viết không, tại bản Kết luận giám định số 06/KTHS-GĐTL ngày 21/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “*Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619, tên chủ xe Nguyễn Thị H, Biển số đăng ký 97A-006.83, cấp ngày 19/06/2013 là giả; Không đủ cơ sở kết luận thời điểm viết của các chữ tại Điều 2 “550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng) và các chữ có trên hợp đồng mua, bán xe ngày 18/8/2018”.*

Lần 2: Ngày 19/10/2018, Nguyễn Thị H cùng ông Nguyễn Xuân B, bà Đặng Thị Thanh H1, trú tại tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đến phòng công chứng L, địa chỉ tổ 4, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn yêu cầu Phòng công chứng cùng Công chứng viên Nguyễn Lê T1 lập hợp đồng mua, bán, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 70, 104, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 600.000.000^d (Sáu trăm triệu đồng) giữa H và vợ, chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đặng Thị Thanh H1. Khi lập hợp đồng mua, bán và chuyển nhượng tài sản Nguyễn Thị H cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giả số BN006396 của thửa đất số 70, 104, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn với diện tích 2026,0m² đã được H chuẩn bị từ trước để lập hợp đồng mua, bán và được chứng thực của Công chứng viên, sau đó H đã nhận và chiếm đoạt số tiền đặt cọc 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật đã được H sử dụng trước đó như sau: Ngày 20/7/2018, Nguyễn Thị H có vay tiền của Phạm Trung H, sinh năm 1983, HKTT: tổ 9, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, khi vay có lập hợp đồng với số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và được Phòng Công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn công chứng, tài sản đảm bảo của H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN006396 tại thửa đất số 70, 104, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn ra quyết định trưng cầu giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BN 006396 mà ông Nguyễn Xuân B giao nộp cho Cơ quan CSĐT, tại bản Kết luận giám định số 05/KTHS-GĐTL ngày 13/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BN006396, cấp cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, số CMND 095031601, ghi ngày 22/8/2013 không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp”.*

Ngày 19/02/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn ra quyết định trưng cầu giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất, số BN 006396 mà ông Phạm Trung H giao nộp cho Cơ quan CSĐT, tại bản Kết luận giám định số 09/KTHS-GĐTL ngày 25/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BN006396, cấp cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, số CMND 095031601 (mẫu cần giám định) là thật*”.

Lần 3: Ngày 09/11/2018, Nguyễn Thị H cùng vợ, chồng ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1 tiếp tục đến phòng công chứng L tại tổ 4, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn yêu cầu Phòng công chứng lập hợp đồng mua, bán, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13 cùng tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây cấp III, 03 tầng, địa chỉ tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giữa H và vợ, chồng ông Nguyễn Xuân B, bà Đặng Thị Thanh H1. Khi lập hợp đồng Nguyễn Thị H cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BN979878 của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đã được H chuẩn bị từ trước. Hợp đồng mua, bán được các bên ký kết và được công chứng của Công chứng viên, sau đó Nguyễn Thị H đến nhà vợ, chồng Nguyễn Xuân B tại tổ 4, phường Đ, thành phố B nhận và chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật đã được H sử dụng trước đó như sau: Ngày 30/5/2018, Nguyễn Thị H có hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và hợp đồng tín dụng số 8600LAV201800895 tại Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn để vay số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) trong đó tài sản thế chấp là thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cùng tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp III, 03 tầng. Ngân hàng giữ các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản đối với thửa đất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 979878. Khi thế chấp tài sản Nguyễn Thị H yêu cầu phòng Công chứng L công chứng hợp đồng thế chấp trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN979878.

Ngày 20/5/2019, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1. Quá trình thụ lý, giải quyết hồ sơ thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 979878 mang tên Nguyễn Thị H, số vào sổ H 08795, do UBND thành phố B cấp ngày 15/10/2013 không có tên chồng Nguyễn Tiến S; Không đúng kích cỡ

dấu nổi của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không đúng mã vạch quy định về đơn vị hành chính. Ngày 08/7/2019 UBND thành phố B đã có văn bản số 1047/UBND-TNTM về việc điều tra xác minh dấu hiệu sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến Công an thành phố B để điều tra, xác minh làm rõ.

Ngày 29/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã tiến hành trưng cầu giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố B cung cấp, tại bản Kết luận giám định số 20/KTHS-GĐTL ngày 02/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kan, kết luận *“Mẫu cần giám định không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp, mẫu cần giám định không cùng loại với mẫu so sánh, mẫu cần giám định là giả”*. (BL 106, 107).

Ngày 03/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký tại các hợp đồng, giấy nhận tiền do Nguyễn Xuân B cung cấp. Tại bản Kết luận giám định số 26/KTHS-GĐTL ngày 13/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: *“chữ ký đứng tên Nguyễn Thị H trên các tài liệu cần giám định với chữ ký của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra; dòng chữ viết Nguyễn Thị H dưới chữ ký trên các tài liệu cần giám định với chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh là do một người viết ra”*.

Ngày 19/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn ra quyết định trưng cầu giám định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số, BN 979878 mà Nguyễn Thị H thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, tại bản Kết luận giám định số 29/KTHS-GĐTL ngày 03/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kan, kết luận: *“Mẫu cần giám định (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BN979878, cấp cho: Hộ bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tiến S, ghi ngày 15/10/2013) là do cơ quan có thẩm quyền cấp”*.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra có Lệnh phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn đối với tài khoản 39510000336466 và tài khoản 39510000040855 đều thuộc chủ tài khoản là Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 16/4.

Đối với tổng số tiền đã chiếm đoạt Nguyễn Thị H đã trả lại cho ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1 số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi tư triệu đồng), ông Nguyễn Duy V là bố ruột của bị cáo đã tự nguyện trả thêm số tiền

10.000.000^d (Mười triệu đồng) cho ông B, bà H1. Nguyễn Thị H cũng trả cho bị hại là ông Hoàng Tiến M số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) là tiền thuê xe trước khi bị tố giác.

Ngoài ra, Nguyễn Thị H còn vay của ông Nguyễn Văn T số tiền 370.000.000^d (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), khi vay có lập hợp đồng vay tiền bằng hình thức vay tín chấp và có chữ ký của hai bên cùng người làm chứng Ngô Mạnh T2 với lãi xuất 1%/ tháng. Sau khi vay Nguyễn Thị H đã hoàn trả cho ông T số tiền 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-P1 ngày 30/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 174 của Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều luật 341 của Bộ luật Hình sự có nội dung:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm:...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

c, Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa,

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Đề nghị Hội đồng xét xử

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 (Mười hai) đến 13 (Mười ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Điểm b, c khoản 3 Điều 341/Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 3 (Ba) đến 4 (Bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 15 (Mười lăm) đến 17 (Mười bảy) năm tù.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho bị hại Hoàng Tiến M 640.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng), bồi thường cho các bị hại Nguyễn Xuân B và Đặng Thị Thanh H1 số tiền 1.226.000.000đ (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

- Vật chứng: Các giấy tờ giả tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án, các tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ ngoài mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, số IMEI: 353814084021366 là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tịch thu hoá giá sung quỹ Nhà nước. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt ngoài vỏ màu đen, số IMEI: 353285062859905 và số tiền 5.600.000^d (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng). Tạm giữ thi hành án cho bị cáo, giải toả lệnh phong toả tài khoản của Cơ quan điều tra đối với 02 tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 16/4.

* Những người bị hại

- Ông Hoàng Tiến M yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 550.000.000^d (Năm trăm năm mươi triệu đồng) đã chiếm đoạt và 90.000.000^d (Chín mươi triệu đồng) tiền thuê xe ô tô từ ngày 31/3/2019 đến ngày 17/6/2019 và yêu cầu xác định vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn T2.

- Ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.226.000.000đ (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) mà bị cáo H đã chiếm đoạt đồng thời đề nghị làm rõ vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn T2 và trách nhiệm của công chứng viên Nguyễn Lê T1.

* Bị cáo Nguyễn Thị H khai: Lúc đầu bị cáo đặt vấn đề là đến để vay tiền của ông Hoàng Tiến M, ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1 nhưng ông M, ông B, bà H1 không đồng ý cho bị cáo vay tiền mà yêu cầu nếu bị cáo bán nhà, đất và ô tô thì ông M, ông B, bà H1 sẽ mua. Do vậy bị cáo đã đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và ô tô cho ông M, ông B, bà H1 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã nêu. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và nhất trí bồi thường các yêu cầu của người bị hại là ông B, bà H1 và ông Hoàng Tiến M.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Việt Th – Giám đốc phòng giao dịch Đ có yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H hoàn trả lại số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 8600LAV201800895 ngày 30/5/2018, nếu Nguyễn Thị H không hoàn trả được số tiền vay thì ra quyết định thu hồi tài sản theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Nguyễn Thị H đã thỏa thuận và ký kết.

- Ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả số tiền đã vay theo hợp đồng.

* Ý kiến của luật sư bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ sự thật khách quan của vụ án, làm rõ giữa bị cáo và những người bị hại có quan hệ mua bán xe ô tô, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay không? hay các hợp đồng mua bán trên được thực hiện nhằm mục đích là để che dấu việc cho vay nặng lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có yêu cầu hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Năm 2018, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã truy cập vào mạng xã hội và đặt mua 02 giấy chứng nhận quyền QSD đất giả gồm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN979878 của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13, địa chỉ tổ 5, phường P, thành phố B và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 006396 của thửa đất số 170,104, tờ bản đồ số 52, địa chỉ: thôn P, xã D, thành phố B đều mang tên nguyên Thị H và 03 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 00619 của xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Camry, mang BKS: 97A - 006.83 để lừa bán cho các cá nhân có nhu cầu mua nhà, đất, xe ô tô, gồm: Ngày 18/8/2018, bị cáo sử dụng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 00619 của xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Camry, mang BKS: 97A - 006.83 để bán xe cho ông Hoàng Tiến M và chiếm đoạt số tiền 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 19/10/2018, bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất giả số BN006396 của thửa đất số 70, 104, tờ bản đồ số 52, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để chuyển nhượng QSD đất và chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) của vợ chồng ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1; Ngày 09/11/2018, bị cáo tiếp tục sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BN 979878 của thửa đất số 62, tờ bản đồ số 13 cùng tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây cấp III, 03 tầng, địa chỉ tổ 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) của vợ chồng ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1. Tổng số tiền bị cáo sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là **1.850.000.000đ** (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng tài liệu giả*”

của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có sự hiểu biết nhất định về pháp luật, xã hội nhưng vì lòng tham bị cáo đã lao vào con đường phạm tội bất chấp quy định của pháp luật. Xét thấy cần phải có một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Duy V được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và giấy đăng ký xe giả để chiếm đoạt tài sản nên bị cáo còn phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Hoàng Tiến M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 640.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng) bao gồm: 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền bị cáo đã chiếm đoạt và 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) tiền thuê xe ô tô. Ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.226.000.000đ (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu đồng) tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên cho những người bị hại. Xét việc thoả thuận bồi thường là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có khả năng về tài chính, phải chấp hành hình phạt tù đồng thời còn phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại những giấy tờ và đồ vật sau: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN979878 mang tên Nguyễn Thị H cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn để quản lý tài sản thế chấp đảm bảo theo quy định; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP vỏ ngoài màu xám đen, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Thị Hoà; 01 chiếc ô tô nhãn hiệu Camry, BKS: 97A-006.83 và giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Thị H và Ngân hàng thương mại, cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn để xử lý hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng tín dụng của Nguyễn Thị H; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000619 tạm giữ ngày 18/7/2019 trả lại cho Phòng Cảnh sát giao thông để xử lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000294/QĐ-XPVPHC ngày 27/02/2019 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bắc Kạn. Việc trả lại các giấy tờ, đồ vật trên là đúng quy định của pháp luật.

* Các vật chứng gồm những giấy tờ giả là các tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo xét thấy cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án gồm (04 khoản):

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BN979878 mang tên Nguyễn Thị H do bà Nguyễn Thị Oanh, cán bộ Phòng Tài nguyên Môi trường, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cung cấp ngày 08/7/2019.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619, BKS: 97A-006.83 mang tên Nguyễn Thị H do ông Hoàng Tiến M giao nộp ngày 26/6/2019.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619, BKS: 97A-006.83 mang tên Nguyễn Thị H, do Nguyễn Thị H giao, nộp ngày 06/11/2019.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BN006396 mang tên Nguyễn Thị H, ghi ngày 22/8/2013 do ông Nguyễn Xuân B giao nộp ngày 09/11/2019.

* Các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo yêu cầu được trả lại. Xét thấy cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H gồm (09 khoản):

- 01 Giấy phép lái xe số 061110000308 mang tên Nguyễn Thị H.
- 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704155223550510 mang tên Nguyễn Thị H.
- 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số 009781, BKS: 97F8 - 7559 mang tên Nguyễn Thị H.
- 01 Thẻ tài khoản khách hàng cá nhân số 39510000176723 mang tên Nguyễn Thị H.
- 02 chứng minh nhân dân số 095031601 đều mang tên Nguyễn Thị H cấp ngày 28/03/2000 và 18/07/2015.
- 01 hóa đơn dịch vụ đăng kiểm ngày 01/07/2016 của Nguyễn Thị H.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty CP đầu tư và xây dựng 16-4 của Nguyễn Thị H.
- 01 thẻ bảo hành mang tên Nguyễn Thị H.
- 01 quyển sổ tay.

* Vật chứng là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm (01 khoản):

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ ngoài mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, số IMEI: 353814084021366

* Các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo gồm (02 khoản):

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt ngoài vỏ màu đen, số IMEI: 353285062859905
- Số tiền 5.600.000^d (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

* Các vật chứng không có giá trị sử dụng, bị cáo không yêu cầu trả lại. Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy (03 khoản):

- 01 sim điện thoại Vinaphone.
- 01 sim điện thoại Viettel.
- 01 giấy biên nhận mang tên Nguyễn Thị H.

* Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thật số BN006396, thửa đất số 70, 104, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn mang tên Nguyễn Thị H, ghi ngày 22/8/2013 do ông Phạm Trung H giao nộp ngày 17/02/2020. Xét thấy đây là tài sản đảm bảo của hợp đồng vay tiền giữa bị cáo Nguyễn Thị H và ông Phạm Trung H, sinh năm 1983, HKTT: tổ 9, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, với số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) hợp đồng được Phòng Công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn công chứng. Quá trình giải quyết vụ án ông H yêu cầu trả lại giấy chứng nhận trên cho ông H. Xét thấy cần trả lại cho ông Phạm Trung H để quản lý theo hợp đồng vay tiền. Ông Nguyễn Duy V cũng có yêu cầu trả lại giấy chứng nhận trên vì cho rằng thửa đất trên là của ông. Xét yêu cầu là không có căn cứ, cần bác.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 ngày 02/3/2020 đối với tài khoản 39510000336466 và Lệnh phong tỏa tài khoản số 02 ngày 02/3/2020 đối với tài khoản 39510000040855, chủ tài khoản là Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng 16/4 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn. HDXX thấy hai tài khoản trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo hơn nữa biện pháp trên không còn cần thiết, do vậy cần hủy bỏ biện pháp phong tỏa tài khoản đối với hai tài khoản trên

[8] Đối với văn phòng công chứng L và công chứng viên Nguyễn Lê T1, quá trình điều tra xác định khi thực hiện việc công chứng, văn phòng công chứng và công chứng viên không được trang bị các thiết bị kiểm tra, phát hiện giấy tờ giả, công chứng viên chỉ nhận biết bằng trực quan, do vậy không phát hiện được các giấy chứng nhận QSD đất mà bị cáo cung cấp là giả nên đã thực hiện việc công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bị cáo Nguyễn Thị H. Việc công chứng của công chứng viên được thực hiện theo đúng quy định của Luật Công chứng năm 2014. Quá trình công chứng đã lập sổ sách theo dõi, tuy nhiên việc theo dõi chưa được chặt chẽ, chưa có sự kết nối liên thông với các cơ quan có thẩm quyền trong việc theo dõi tài sản bảo đảm nên đã không phát hiện ra việc bị cáo tiếp tục yêu cầu công chứng tài sản đã được bảo đảm trong giao dịch dân sự khác. Do vậy không có căn cứ để xem xét, xử lý về trách nhiệm đối với văn phòng Công chứng L và Công chứng viên Nguyễn Lê T1. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của người dân khi tham gia các giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử thấy cần kiến nghị UBND tỉnh Bắc Kạn siết chặt hơn nữa công tác quản lý Nhà nước về công chứng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Đối với nguồn gốc giấy tờ giả bị cáo sử dụng để lừa đảo do bị cáo khai mua trên mạng Internet, không nhớ địa chỉ trang Web, không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh bị cáo mua của ai ở đâu, không xác định được nguồn gốc tài liệu giả nên cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xác minh là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn T2 quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định T2 được cùng H đến cửa hàng của ông Nguyễn Tiến M, ký vào hợp đồng mua bán xe ô tô và thuê xe ô tô tuy nhiên T2 không biết nội dung của hợp đồng, không được sử dụng số tiền chiếm đoạt, không có tài liệu xác định đồng phạm với bị cáo do vậy không có căn cứ để xử lý T2.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Việt Thắng – Giám đốc phòng giao dịch Đ, quá trình điều tra và tại phiên tòa yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 8600LAV201800895 ngày 30/5/2018, nếu Nguyễn Thị H không hoàn trả được số tiền vay thì ra quyết định thu hồi tài sản theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Nguyễn Thị H đã thỏa thuận và ký kết: Hội đồng xét xử thấy sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Nguyễn Thị H mới làm giả giấy chứng nhận QSD đất số BN979878 mang tên Nguyễn Thị H và sử dụng giấy chứng nhận QSD đất giả trên để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bắc và bà H1, do vậy hợp đồng tín dụng số 8600LAV201800895 ngày 30/5/2018 và hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn và bị cáo Nguyễn Thị H là hợp pháp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN979878 mang tên Nguyễn Thị H đã giao cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn quản lý. Do vậy đề nghị Ngân hàng xử lý theo các quy định của pháp luật.

Đối với việc vay tiền giữa bị cáo Nguyễn thị H và Phạm Trung H số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tài sản đảm bảo là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN006396 tại thửa đất số 70, 104, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, hợp đồng đảm bảo đã được Phòng Công chứng số 1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn công chứng. HĐXX thấy sau khi ký kết hợp đồng vay tiền tài sản đảm bảo là thửa đất số 70, 104, địa chỉ thôn P, xã D, thành phố B với ông Phạm trung H, bị cáo Nguyễn Thị H mới làm giả giấy chứng nhận QSD đất số BN006396 và sử dụng giấy chứng nhận QSD đất số

BN006396 giả để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông B và bà H1, do vậy hợp đồng giữa bị cáo Nguyễn thị H và Phạm Trung H là giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn T là người cho bị cáo Nguyễn Thị H vay số tiền 370.000.000^d (Ba trăm bảy mươi triệu đồng), hình thức vay là tín chấp và có chữ ký của hai bên cùng người làm chứng Ngô Mạnh T2 với lãi suất 1%/ tháng. Sau khi vay bị cáo đã hoàn trả cho ông T số tiền 50.000.000^d. Xét thấy đây là giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn. Quá trình điều tra đã nhận lại tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS: 97A-006.83 và các giấy tờ có liên quan. Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bị cáo đã được tất toán. Đại diện ngân hàng không có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi khám xét cơ quan điều tra đã thu giữ 01 máy tính. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc phạm tội nên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Thị Hoà. Chị Hoà xác nhận đã nhận lại máy tính và không có ý kiến gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Áp dụng, xử phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (Mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 3 Điều 341/Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 3 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/11/2019).

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải bồi thường cho ông Hoàng Tiến M 640.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi triệu đồng), bồi thường cho ông Nguyễn Xuân B và bà Đặng Thị Thanh H1 số tiền 1.226.000.000đ (Một tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu đồng).

Việc thi hành khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357/Bộ luật Dân sự năm 2015.

“ Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Lưu theo hồ sơ vụ án các vật chứng gồm (04 khoản):

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BN979878 mang tên Nguyễn Thị H do bà Nguyễn Thị Oanh, cán bộ Phòng Tài nguyên Môi trường, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn cung cấp ngày 08/7/2019.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619, BKS: 97A-006.83 mang tên Nguyễn Thị H do ông Hoàng Tiến M giao nộp ngày 26/6/2019.

- 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 000619, BKS: 97A-006.83 mang tên Nguyễn Thị H, do Nguyễn Thị H giao, nộp ngày 06/11/2019.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BN006396 mang tên Nguyễn Thị H, ghi ngày 22/8/2013 do ông Nguyễn Xuân B giao nộp ngày 09/11/2019.

* Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H các vật chứng gồm (09 khoản):

- 01 Giấy phép lái xe số 061110000308 mang tên Nguyễn Thị H.

- 01 thẻ ngân hàng Viettinbank số 9704155223550510 mang tên Nguyễn Thị H.

- 01 Đăng ký xe mô tô, xe máy số 009781, BKS: 97F8 - 7559 mang tên Nguyễn Thị H.

- 01 Thẻ tài khoản khách hàng cá nhân số 39510000176723 mang tên Nguyễn Thị H.

- 02 chứng minh nhân dân số 095031601 đều mang tên Nguyễn Thị H cấp ngày 28/03/2000 và 18/07/2015.

- 01 hóa đơn dịch vụ đăng kiểm ngày 01/07/2016 của Nguyễn Thị H.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty CP đầu tư và xây dựng 16-4 của Nguyễn Thị H.

- 01 thẻ bảo hành mang tên Nguyễn Thị H.

- 01 quyển sổ tay.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm (01 khoản):

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ ngoài mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng, số IMEI: 353814084021366

* Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo gồm (02 khoản):

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt ngoài vỏ màu đen, số IMEI: 353285062859905

- Số tiền 5.600.000^d (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng).

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm (03 khoản):

- 01 giấy biên nhận mang tên Nguyễn Thị H.

- 01 sim điện thoại Vinaphone.

- 01 sim điện thoại Viettel.

* Trả lại cho ông Phạm Trung H, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 9, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thật số BN006396 mang tên Nguyễn Thị H ghi ngày 22/8/2013 do ông Phạm Trung H giao nộp ngày 17/02/2020.

(Số lượng và tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/8/2020 giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn)

Huỷ bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 01 và số 02 ngày 02/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đối với 02 tài khoản số 39510000336466 và tài khoản 39510000040855 của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng 16/4. Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn là tổ chức đang quản lý tài khoản bị phong tỏa tiến hành giải tỏa tài khoản trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 67.980.000đ (*Sáu mươi bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng PC01 - CA tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ - CA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người CQL,NVLQ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai